

Số: *M* /BC-UBND

Ninh Thuận, ngày *12* tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế-xã hội Quý I và một số nhiệm vụ trọng tâm Quý II năm 2019

Phần I

Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội Quý I

Năm 2019 là năm thứ 4 của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, là năm tăng tốc, bứt phá có ý nghĩa lớn trong hoàn thành mục tiêu đến năm 2020, với phương châm hành động “*Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, bứt phá, hiệu quả*” và “*Năm dân vận chính quyền*”; ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết 01/NQ-CP đã kịp thời quán triệt tinh thần các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và ban hành Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 05/01/2019, gồm 8 nhóm giải pháp chủ yếu với 169 nhiệm vụ cụ thể, chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2019 và Nghị quyết số 115/NQ-CP của Chính phủ; Đồng thời tập trung chăm lo Tết cho các đối tượng chính sách, hộ nghèo; chủ động đẩy mạnh thực hiện các biện pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội quý I đạt được như sau:

I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ chủ yếu của các ngành, lĩnh vực:

1. Về kinh tế: Tổng giá trị sản xuất các ngành tăng 14,4% so cùng kỳ, cụ thể từng ngành, lĩnh vực như sau:

1.1. Về nông, lâm, ngư nghiệp: Giá trị sản xuất toàn ngành ước đạt 1.970 tỷ đồng, tăng 8,2% cùng kỳ, trong đó: nông lâm nghiệp 517 tỷ đồng, tăng 3,6% và thủy sản 1.453 tỷ đồng, tăng 10%.

- Nông nghiệp: Những tháng cuối năm 2018 mưa tương đối đều, lượng nước các hồ chứa đạt mức cao, cùng với chỉ đạo điều tiết nước hợp lý, diện tích gieo trồng vụ Đông – Xuân tăng cùng kỳ và vượt kế hoạch đề ra¹; chuyển dịch cơ cấu cây trồng, phát triển cánh đồng lớn gắn với bao tiêu sản phẩm được chú trọng triển khai²; sản lượng một số cây lương thực tăng khá³; dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi được kiểm soát chặt chẽ, không để xảy ra dịch bệnh, nhất là dịch tả lợn Châu Phi.

- Lâm nghiệp: Công tác bảo vệ và phòng chống cháy rừng được triển khai đồng bộ các biện pháp, tăng cường tuần tra truy quét, phát hiện, xử lý kịp thời các vụ vi phạm lâm luật⁴ không để xảy ra điểm nóng.

¹ Tổng diện tích gieo trồng vụ Đông – Xuân đạt 30.075 ha, tăng 4,6% cùng kỳ, vượt 3,6% KH.

² Ước đến cuối quý I/2019 chuyển đổi 544,7 ha, đạt 36,3% KH năm; Triển khai có hiệu quả 19 cánh đồng lớn, với tổng DT 2.454 ha, đạt 85,42% kế hoạch, trong đó triển khai mới 05 cánh đồng lúa/ 535,68 ha và duy trì 14 cánh đồng/1.918,46 ha.

³ Lúa 111.089 tấn, tăng 1,5%; sắn 92.882 tấn, tăng 54,6% cùng kỳ.

⁴ Trong quý phát hiện, ngăn chặn 91 vụ vi phạm, giảm 29 vụ, xử lý 71 vụ, nộp NS trên 104,8 triệu đồng và tịch thu nhiều tang vật khác.

- Thủy sản: Tình hình thời tiết, ngư trường tương đối thuận lợi, đàn cá nổi xuất hiện tương đối dày, sản lượng khai thác tăng khá⁵; sản xuất tôm giống, tôm thương phẩm được phục hồi và có tăng trưởng⁶; các chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản theo Nghị định của Chính phủ tiếp tục triển khai đạt kết quả tích cực⁷.

- Chương trình xây dựng nông thôn mới: Ban hành kịp thời kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2019; hoàn thành công nhận 3 xã đạt chuẩn nông thôn mới⁸, triển khai Đề án hỗ trợ các thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn theo Quyết định 1358/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

1.2. Về công nghiệp - xây dựng: Giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp – xây dựng ước đạt 2.950 tỷ đồng, tăng 25% cùng kỳ.

- Về Công nghiệp: Hoạt động sản xuất công nghiệp được các doanh nghiệp tập trung triển khai ngay sau kỳ nghỉ Tết với tinh thần khẩn trương, nghiêm túc, các dự án năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến được tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ và triển khai đồng loạt ngay cả các ngày nghỉ Tết Nguyên Đán, dự kiến trong tháng 4/2019 hoàn thành đưa vào hoạt động 7 dự án năng lượng tái tạo, với tổng công suất 523,2 MW⁹ và nhà máy nước mắm CaNa 3 triệu lít/năm. Đồng thời tập trung hỗ trợ xúc tiến triển khai các công trình hạ tầng truyền tải để giải tỏa công suất 2.000 MW các dự án năng lượng tái tạo và xúc tiến triển khai các dự án động lực thay thế. Tuy nhiên quý I các dự án năng lượng tái tạo đang trong giai đoạn hoàn thiện chạy thử nghiệm nên đóng góp cho ngành công nghiệp không nhiều, một số ngành hàng hiện có giảm¹⁰, giá trị sản xuất ngành công nghiệp đạt thấp ước đạt 1.604 tỷ đồng, tăng 3,9% cùng kỳ; tổng giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu tăng mạnh, gấp 14,3 lần cùng kỳ¹¹.

- Về Xây dựng: Tập trung triển khai nhiều quy hoạch phân khu quan trọng¹², công tác quản lý trật tự xây dựng và quản lý hạ tầng kỹ thuật được tập trung chỉ đạo¹³; tiến độ các dự án giao thông nông thôn, hạ tầng thủy lợi và nhất là các dự án năng lượng tái tạo được tập trung đẩy nhanh tiến độ để thụ hưởng giá điện theo Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã góp phần nâng cao giá trị sản xuất ngành xây dựng ước đạt 1.346 tỷ đồng, tăng 65% so cùng kỳ.

1.3. Các ngành dịch vụ: Giá trị sản xuất toàn ngành ước đạt 3.298 tỷ đồng, tăng 9,7% cùng kỳ. Thị trường hàng hóa và dịch vụ trong quý diễn biến sôi động, nguồn cung hàng hóa dồi dào, sức mua tăng, các chương trình bình ổn và kết nối cung cầu

⁵ Sản lượng khai thác ước đạt 25.365 tấn, tăng 10,3% cùng kỳ.

⁶ SX tôm giống ước đạt 9,3 tỷ con, đạt 28,5% KH, tăng 10,6% so cùng kỳ; Tôm thương phẩm ước đạt 650 tấn, tăng 4% cùng kỳ.

⁷ Từ đầu Chương trình đến nay có 47 hộ được phê duyệt đủ điều kiện vay vốn (trong đó có 4 hộ phê duyệt trong tháng 3/2019), đã hạ thủy 43 tàu, đã giải ngân 404 tỷ đồng, đạt 98,1% kế hoạch theo các Nghị định 67,89,17 của Chính phủ.

⁸ Xã Phước Diêm huyện Thuận Nam; xã Phước Hữu huyện Ninh Phước và xã Lương Sơn huyện Ninh Sơn, nâng tổng số 20 xã.

⁹ BP Solar1 46 MW, Gelex 50 MW, Bim1: 30 MW, Bim2: 250 MW, Bim3: 40 MW, Phước Hữu 24,2 MW, Trung Nam 83 MW.

¹⁰ Đường RS giảm 48%; muối các loại giảm 12,7%; phân hữu cơ giảm 42,9%, bao bì giảm 23,5%;.tinh bộ mỹ giảm 8,5%.

¹¹ Tổng giá trị kim ngạch XNK ước đạt 246,1 triệu USD, gấp 14,3 lần cùng kỳ, trong đó xuất khẩu 12,9 triệu USD, giảm 6,2% (thủy sản 4 triệu USD, giảm 49,4%; nông sản 7,1 triệu USD, tăng 32,5% cùng kỳ). Nhập khẩu 233,2 triệu USD, tăng gấp 68,2 lần cùng kỳ.

¹² Đang xem xét phê duyệt QH chung xây dựng KV ven biển phía Nam của Tỉnh; Hoàn thành Đồ án điều chỉnh QH chi tiết XD Dự án Long Thuận Hotel; Đồ án QH chi tiết xây dựng khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp Bãi Hóm tại xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải.

¹³ Ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều về phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh; Triển khai thực hiện ngầm hóa, chỉnh trang trên các tuyến đường của TP PRTC. Cấp giấy phép cho 8 công trình; Kiểm tra xây dựng 15 trường hợp, trong đó có 5 công trình XD không phép; đồng thời đề nghị các huyện, TP xử lý 23 trường hợp vi phạm.

được tích cực triển khai, lưu thông hàng hóa thông suốt, đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng của du khách và người dân; tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng khá¹⁴.

Hoạt động du lịch sôi động, lượng du khách đến tỉnh trong dịp Tết tăng khá¹⁵; tổng doanh thu tăng 10,7% so cùng kỳ¹⁶.

Hoạt động công nghệ thông tin chất lượng được nâng cao, chỉ số công nghệ thông tin tăng 18 bậc so năm 2017 và đứng 21/63 tỉnh, thành phố; công tác bảo mật, an toàn thông tin được bảo đảm; quản lý về xuất bản báo chí tiếp tục được tăng cường, thẩm định và cấp mới 15 giấy phép; bưu chính viễn thông được duy trì, đảm bảo thông tin liên lạc được thông suốt¹⁷.

Dịch vụ vận tải: Hoạt động vận tải ổn định, đáp ứng tốt hơn nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của nhân dân, nhất là trong dịp Tết Nguyên đán; khối lượng luân chuyển hàng hóa tăng 15,4%, luân chuyển hành khách tăng 17,9% so cùng kỳ.

1.4. Quản lý tài nguyên và môi trường: Công tác quản lý đất đai được tập trung chỉ đạo triển khai với nhiều giải pháp cụ thể, đồng bộ; tập trung rà soát điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) phục vụ nhu cầu phát triển các dự án; công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm được tập trung chỉ đạo triển khai¹⁸.

1.5. Tài chính, ngân hàng:

- Tài chính: Các quy định mới về quản lý thu, chi ngân sách nhà nước, quản lý tài chính doanh nghiệp được tập trung chỉ đạo triển khai; chi ngân sách bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm; tổng thu ngân sách trên địa bàn tăng cao, tăng 84,4%, nhất là thu hải quan tăng mạnh¹⁹. Tổng chi ngân sách 03 tháng ước đạt 1.400 tỷ đồng, bằng 26,2% dự toán năm.

- Hoạt động ngân hàng ổn định, an toàn và có tăng trưởng, tình hình nợ xấu được kiểm soát²⁰; các quy định về lãi suất, tỷ giá và hoạt động ngoại hối được thực hiện nghiêm phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân, nhất là trong dịp Tết Nguyên Đán.

1.6. Kế hoạch và Đầu tư: Triển khai kịp thời Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ, xây dựng và ban hành kịch bản tăng trưởng năm 2019; chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết 115/NQ-CP và thông báo số 416/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ về cơ chế chính sách đặc thù hỗ trợ Tỉnh; đồng thời ban hành kịp thời các chương trình hành động, kế hoạch triển khai thực hiện các nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy; xúc tiến triển khai lập nhiệm vụ quy hoạch Tỉnh giai đoạn 2021-2031, tầm nhìn đến năm 2050; tiếp tục đổi mới thu hút đầu tư các thành phần kinh tế²¹; phân khai kịp thời các nguồn vốn đầu tư công, kết quả giải ngân đạt khá²².

¹⁴ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 5.434 tỷ đồng, tăng 13,2% cùng kỳ

¹⁵ Thu hút 795,8 ngàn lượt người, tăng 9,9%, trong đó khách quốc tế 47,1 ngàn lượt, đạt 47,1% KH, tăng 5,5% cùng kỳ, khách trong nước 748,7 ngàn lượt, tăng 10,2% cùng kỳ.

¹⁶ Tổng doanh thu du lịch ước đạt 259 tỷ đồng.

¹⁷ Tổng số 50.387 thuê bao điện thoại các loại, đạt 8,46 máy/100 dân; 275.485 thuê bao internet, đạt 46,3 thuê bao/100 dân.

¹⁸ Đường cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020; các dự án năng lượng tái tạo....

¹⁹ Đến ngày 15/3/2019 tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 1.272 tỷ đồng, bằng 47,1% kế hoạch năm, tăng 84,4 % so cùng kỳ, trong đó thu nội địa ước đạt 733 tỷ đồng, tăng 6,8%, thu Hải quan 539 tỷ đồng, gấp 179 lần.

²⁰ Ước đến cuối tháng 3/2019, tổng vốn huy động đạt 13.800 tỷ đồng, tăng 4,3% so cuối năm 2018. Tổng dư nợ tín dụng 21.350 tỷ đồng, tăng 2,78% so cuối năm 2018. Nợ xấu chiếm 0,6% tổng dư nợ, giảm 0,54% so cùng kỳ và bằng so với cuối năm 2018.

²¹ Đến ngày 15/3/2019 đã cấp 10 dự án, với tổng vốn 6.255 tỷ đồng, trong đó quyết định chủ trương đầu tư 8 dự án/ 3.236 tỷ đồng; chấp thuận chủ trương địa điểm 2 dự án/ 3.019 tỷ đồng.

²² dự kiến đến cuối quý I/2019 giải ngân khoảng 385 tỷ đồng, đạt 23,6% KH

Về công tác đối ngoại: Hội nhập quốc tế tiếp tục có chuyển biến tích cực, thu hút được sự quan tâm hỗ trợ của các tổ chức quốc tế song phương và đa phương.

1.7. Phát triển doanh nghiệp và kinh tế tập thể:

- Công tác phát triển và hỗ trợ doanh nghiệp, khởi nghiệp được tập trung chỉ đạo; số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động tăng khá, thu hút lao động từ doanh nghiệp thành lập mới tăng cao, gấp 3 lần cùng kỳ, số doanh nghiệp ngừng hoạt động giảm²³; thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp theo dịch vụ công mức độ 4 vượt mục tiêu Chính phủ quy định²⁴.

- Kinh tế tập thể được củng cố, hỗ trợ gắn với thực hiện các chuỗi giá trị và xây dựng nông thôn²⁵.

2. Lĩnh vực Xã hội:

2.1. Giáo dục - Đào tạo và khoa học công nghệ:

- Giáo dục: Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới trường lớp học, trong quý I/2019 giảm thêm 01 trường²⁶, nâng tổng số giảm 13 trường; quy mô học sinh các cấp học được duy trì, kết quả xếp loại học lực khá, giỏi học kỳ I cấp THCS, THPT đều tăng²⁷; đạt giải cao hội thi khoa học kỹ thuật cấp THPT toàn quốc²⁸; tổ chức thành công các kỳ thi học sinh giỏi và cuộc thi trí tuệ Athena cấp tỉnh²⁹. Cơ sở vật chất trường lớp học được đầu tư theo hướng kiên cố hóa và đạt chuẩn quốc gia³⁰.

- Về khoa học công nghệ: Công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng đổi mới công nghệ để phát triển các sản phẩm trọng điểm, chủ lực tỉnh có lợi thế được tập trung chỉ đạo. Triển khai 36 đề tài, dự án³¹; công tác hướng dẫn đăng ký quyền sở hữu công nghiệp được quan tâm thực hiện³²; công tác quản lý đo lường được tăng cường, kiểm tra 40 cơ sở sản xuất kinh doanh, tất cả đều đạt yêu cầu.

2.2. Y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân:

Công tác y tế dự phòng được tăng cường, tình hình dịch bệnh được kiểm soát không để bùng phát thành dịch; vệ sinh an toàn thực phẩm được tập trung chỉ đạo nhiều biện pháp đồng bộ, quyết liệt; công tác phòng chống HIV/AIDS và dân số, kế hoạch hóa gia đình được chú trọng triển khai; tiếp tục phối hợp với các Bệnh viện tuyến trên triển khai thực hiện tốt Đề án Bệnh viện vệ tinh và Đề án 1816.

Chương trình bảo vệ và chăm sóc trẻ em được quan tâm, công tác vận động các tổ chức từ thiện khám và chữa bệnh cho người nghèo, đối tượng chính sách và trẻ em tiếp tục phát huy hiệu quả.

²³ Đến ngày 15/3/2019 đăng ký thành lập mới 81 DN/599 tỷ đồng, nâng tổng số 2.950 DN; có 24 DN quay trở lại hoạt động, tăng 21,4% so cùng kỳ; số lao động đăng ký trong DN thành lập mới 2.633 lao động, tăng gấp 3 lần cùng kỳ; có 34 DN ngừng hoạt động giảm 19% so cùng kỳ.

²⁴ Chính phủ quy định cung cấp ít nhất 30% số dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, lĩnh vực ĐKKD có 60/60 thủ tục, đạt 100%.

²⁵ Đã ban hành KH số 683/KH-BCĐ ngày 26/02/2019 về nhiệm vụ công tác trọng tâm năm 2019; Thành lập mới 2 HTX (HTX Khánh Nhơn, HTX Nho cảnh, nho kiếng A8), nâng tổng số HTC có đến nay lên 75HTX.

²⁶ Tổng số 233 trường phổ thông, trong đó TH 150 trường, THCS 63 trường, THPT 20 trường.

²⁷ Xếp loại học lực khá giỏi học kỳ I: THCS 50,5%, tăng 1,9%, THPT 37,5%, tăng 0,5% so cùng kỳ. Tỷ lệ bỏ học các cấp 0,41%, giảm 0,09%, trong đó TH 0,06%, giảm 0,02%; THCS 0,59%, giảm 0,2%, THPT 1,2% giảm 0,33% so cùng kỳ.

²⁸ Đạt 01 giải nhất và 01 giải ba.

²⁹ Tổ chức kỳ thi khoa học kỹ thuật cho học sinh THCS, THPT cấp tỉnh có 54 học sinh/36 dự án, đề tài tham gia, trong đó có 6 dự án được chọn tham dự thi cấp quốc gia.

³⁰ Trong quý có 8 trường phổ thông được công nhận mới đạt chuẩn quốc gia, nâng tổng số lên 100/233 trường, đạt 42,9%, trong đó: TH 68/150 trường, đạt 45,3%, THCS 29/63 trường, đạt 46%, THPT 3/20 trường, đạt 15%; riêng Mầm non 18/88 trường, đạt 20,5%, vượt mục tiêu đến năm 2020.

³¹ Có 9 đề tài, dự án cấp quốc gia, trong đó 01 đề tài mới; 27 đề tài, dự án cấp tỉnh, trong đó 3 đề tài, dự án mới.

³² Hỗ trợ 02 DN đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp.

2.3. Lao động, việc làm và kết quả thực hiện các chính sách xã hội:

Các chính sách an sinh xã hội được tập trung triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng. Trong dịp Tết Nguyên Đán, đã tổ chức các Đoàn đến thăm, tặng quà cho các tổ chức, cá nhân và gia đình chính sách³³, cấp phát kịp thời gạo hỗ trợ của Chính phủ cho hộ nghèo đảm bảo công khai, đúng đối tượng³⁴. Công tác tổ chức đón Tết cho đồng bào Raglai đạt kết quả thiết thực³⁵; công tác giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động triển khai đạt kết quả³⁶.

Đào tạo nghề được chú trọng triển khai, hệ sơ cấp nghề tuyển mới tăng³⁷; quy mô học viên các trường cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp được duy trì³⁸.

2.4. Văn hóa, thể thao, phát thanh truyền hình: Tập trung tuyên truyền kỷ niệm 89 năm ngày thành lập Đảng; tuyên truyền các hoạt động chăm lo Tết cho các gia đình chính sách, hộ nghèo và đồng bào dân tộc Raglai; chỉ đạo tổ chức nhiều hoạt động vui xuân đón Tết Nguyên đán Kỷ Hợi 2019 vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm³⁹. Chương trình đưa văn hóa về cơ sở và giao lưu trực tuyến trên truyền hình chất lượng được nâng lên⁴⁰.

II. Công tác nội chính và xây dựng chính quyền:

1. Công tác xây dựng chính quyền, cải cách hành chính:

- Công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp tiếp tục được tập trung chỉ đạo; các tổ chức phối hợp liên ngành được rà soát, kiện toàn⁴¹. Trung tâm Phục vụ hành chính công được thành lập đang hoàn tất thủ tục đưa vào hoạt động. Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về xây dựng chính quyền Đảng, gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh⁴²; kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường⁴³.

- Công tác thi đua-khen thưởng đã tổ chức nhiều đợt phát động và ký kết giao ước thi đua năm 2019⁴⁴, khen thưởng kịp thời các nhân tố mới trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương⁴⁵.

³³ Trên 122.056 suất quà/trị giá trên 33,5 tỷ đồng; quà cho đối tượng gia đình chính sách, người có công 17.320 suất/ 4,5 tỷ đồng; quà cho người nghèo và các đối tượng bảo trợ xã hội 104.736 suất/29 tỷ đồng.

³⁴ Cấp phát 797,28 tấn gạo cho 13.247 hộ nghèo.

³⁵ Cấp mới 233.875 thẻ BHYT, trong đó: Hộ nghèo 17.608 thẻ, hộ đồng bào DTTS và hộ ở vùng ĐBKK 117.669 thẻ, hộ cận nghèo 21.556 thẻ; chi trả BH thất nghiệp và hỗ trợ học nghề cho 686 lao động/8 tỷ đồng; hỗ trợ 164.205 kg gạo cho 2.735 hs vùng ĐBKK.

³⁶ Giải quyết việc làm mới cho 4.745 lao động, đạt 30,6% KH và tăng 3,9% so cùng kỳ, trong đó lao động trong tỉnh 1.489 người, ngoài tỉnh 3.200 người. Có 56 người đi lao động tại nước ngoài, đạt 37,3% KH và bằng 89% cùng kỳ.

³⁷ Tuyển mới sơ cấp nghề 1.621 học viên, đạt 19% KH và tăng 1,4% cùng kỳ.

³⁸ Trường CĐSP 492 SV, Phân hiệu ĐH Nông Lâm 589 SV, Cao đẳng nghề 1.621 HV, TC Y tế 816 HV, TC Việt Thuận 250 HV.

³⁹ Tổ chức Vườn Hoa Xuân, Hội chợ Xuân với điểm nhấn "Ninh Thuận đoàn kết, sáng tạo, hội nhập và phát triển", kết hợp hình ảnh di tích lịch sử cách mạng "Đề-pô xe lửa Tháp Chàm"

⁴⁰ Đã tổ chức 39 buổi biểu diễn nghệ thuật, trong đó phục vụ miền núi 15 buổi với hơn 30 ngàn lượt người xem; chiếu phim lưu động 173 buổi ở các địa bàn nông thôn, miền núi, vùng sâu vùng xa phục vụ hơn 29 ngàn lượt người xem;

⁴¹ Trong quý I/2019 đã quyết định thành lập, kiện toàn, tổ chức lại 05 tổ chức phối hợp liên ngành.

⁴² Đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 137-KH/TU ngày 21/01/2019 của Tỉnh ủy về khắc phục, sửa chữa khuyết điểm, hạn chế sau kiểm điểm tự phê bình và phê bình trong năm 2019 theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII).

⁴³ Ban hành công văn số 328/UBND-VXNV ngày 28/01/2019 về tăng cường kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Đã ban hành KH số 835/KH-UBND ngày 05/3/2018 về triển khai thực hiện công tác Dân vận chính quyền năm 2018; CV số 2219/UBND-KGVX ngày 31/5/2018 về chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương trong thực thi nhiệm vụ.

⁴⁴ Thi đua thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội năm 2019; thi đua tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2019; thi đua bảo vệ an ninh tổ quốc năm 2019.

⁴⁵ Chủ tịch Nước tặng Huân chương lao động cho 01 tập thể, 02 cá nhân. Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen cho 2 tập thể, 9 cá nhân. UBND tỉnh tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc cho 72 tập thể, bằng khen cho 80 tập thể và 248 cá nhân.

2. Công tác tư pháp, thanh tra, phòng chống tham nhũng, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân: Công tác cải cách tư pháp được tập trung chỉ đạo, chất lượng xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật được nâng lên, tuân thủ chặt chẽ trình tự, thủ tục quy định, bảo đảm tính thống nhất, hợp hiến, hợp pháp⁴⁶; đã ban hành kịp thời đồng bộ các kế hoạch thanh tra và phòng chống tham nhũng, trong quý các tổ chức thanh tra các cấp đã triển khai thực hiện nghiêm túc theo đúng quy trình, kế hoạch và kiến nghị xử lý kịp thời theo quy định⁴⁷; công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện nghiêm, giải quyết kịp thời, đúng quy định pháp luật⁴⁸.

III. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội:

Công tác quân sự quốc phòng được triển khai thực hiện nghiêm túc, tổ chức giao quân đạt 100% chỉ tiêu giao, bảo đảm an toàn. Trong quý các lực lượng vũ trang của Tỉnh đã triển khai đồng bộ nhiều biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trước, trong và sau Tết Nguyên Đán và các sự kiện quan trọng của Tỉnh; thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm soát các vùng trọng điểm, phức tạp nắm tình hình và kịp thời giải quyết các vụ việc xảy ra⁴⁹.

An toàn giao thông: Tập trung chỉ đạo và tăng cường kiểm tra, tuần tra việc chấp hành Luật giao thông đường bộ trên các tuyến giao thông trọng điểm, tai nạn giao thông được kiểm chế, giảm cả 3 tiêu chí⁵⁰.

Tóm lại: Triển khai thực hiện nhiệm vụ quý I năm 2019 trong bối cảnh có nhiều thuận lợi, khó khăn thách thức đan xen, UBND tỉnh đã kịp thời quán triệt và ban hành kế hoạch triển khai, cụ thể hóa kịp thời các nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo điều hành theo Nghị quyết của Chính phủ và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, đề ra chương trình công tác trọng tâm, nhiệm vụ đột phá để tập trung chỉ đạo, đã khơi dậy tinh thần chủ động, vượt khó, phát huy nội lực của các cấp, các ngành và địa phương, sự nỗ lực, sáng tạo của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội quý I tiếp tục duy trì ổn định và chuyển biến tích cực, hoạt động sản xuất các ngành nông nghiệp, xây dựng tiếp tục phát huy hiệu quả, tập trung đẩy nhanh tiến độ các dự án năng lượng tái tạo đi đôi với kiến nghị nhiều giải pháp giải tỏa công suất; lượng du khách tăng khá; thu ngân sách đạt cao; công tác phòng chống dịch bệnh được kiểm soát chặt chẽ; vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường. Các chính sách an sinh xã hội được triển khai đầy đủ, kịp thời; công tác chăm lo cho các đối tượng chính sách, các hộ nghèo được thực hiện tốt hơn; công tác tổ chức cho nhân dân vui xuân đón Tết Nguyên Đán đạt được mục tiêu; công tác quân sự quốc phòng được bảo đảm, giao quân an toàn, đạt chỉ tiêu và chất lượng; an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được quan tâm triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra.

⁴⁶ Trong quý UBND tỉnh đã ban hành 16 văn bản quy phạm pháp luật

⁴⁷ Trong quý đã thực hiện 52/320 cuộc thanh tra, kết thúc 30 cuộc, kiến nghị thu hồi 901 triệu đồng, kiến nghị xử lý hành chính, kiểm điểm trách nhiệm 78 cá nhân.

⁴⁸ Trong quý các cơ quan hành chính các cấp đã tiếp 443 lượt công dân, giảm 100 lượt người; đã giải quyết 151/197 vụ khiếu nại tố cáo; đã minh oan cho 5 trường hợp tố cáo sai.

⁴⁹ Trong quý đã xảy ra 44 vụ tội phạm hình sự, giảm 22 vụ so cùng kỳ; Biên phòng tỉnh đã tuần tra 434 lượt, kiểm tra 1.241 lượt phương tiện, 659 lượt tàu du lịch/10.727 lượt khách đi tham quan du lịch và làm thủ tục nhập, xuất cho 09 lượt tàu, vận chuyển 4.950 tấn muối.

⁵⁰ Theo báo cáo của Ban An toàn giao thông, đến ngày 15/3/2019 đã xảy ra 30 vụ tai nạn giao thông và va chạm giao thông, giảm 35 vụ, chết 13 người, giảm 7 người, bị thương 36 người, giảm 41 người.

Nguyên nhân đạt được: Được sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ và hỗ trợ của các Bộ ngành trung ương; sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Tỉnh ủy, sự chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành của UBND Tỉnh; công tác phối hợp tham mưu của các cấp, các ngành và các địa phương được chủ động, có trách nhiệm hơn, bám sát và triển khai kịp thời các chương trình trọng tâm, nhiệm vụ đột phá; sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp và sự đồng thuận của người dân được tốt hơn.

Một số khó khăn hạn chế: Giá trị sản xuất ngành công nghiệp đạt thấp; công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tuy có cố gắng nhưng một số trường hợp còn khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai của một số dự án quy mô lớn; Đề án tăng thu ngân sách từ đất đai và triển khai các dự án khu đô thị còn chậm; một số nhiệm vụ trọng tâm được giao tại Nghị quyết số 115/NQ-CP của Chính phủ và tại Quyết định số 02/QĐ-UBND của UBND tỉnh triển khai thực hiện còn chậm⁵¹, nhất là các dự án động lực thay thế; chuyển đổi đất rừng một số dự án còn chậm; kịch bản tăng trưởng một số ngành chất lượng chưa cao; kỷ luật, kỷ cương hành chính một số nơi chưa nghiêm⁵²; Trung tâm Phục vụ hành chính công chậm đi vào hoạt động; thủ tục hành chính một số khâu chưa thật sự thông thoáng; tai nạn giao thông tuy có giảm nhưng còn diễn biến phức tạp.

Nguyên nhân chủ yếu đó là: Một số ngành hàng khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ; trách nhiệm người đứng đầu một số cơ quan chưa cao, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp có trường hợp chưa được quan tâm đúng mức, hiệu quả thấp; nhận thức về vai trò, tầm quan trọng về nguồn lực đất đai chưa đầy đủ, nên có nơi quản lý và khai thác chưa chặt chẽ, hiệu quả thấp; công tác phối hợp một số trường hợp chưa cao, triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm còn chậm, chất lượng chưa cao; tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ công chức viên chức chưa chủ động, tích cực trong tham mưu và tổ chức thực hiện; công tác kiểm tra, xử lý các dự án chậm tiến độ có trường hợp chưa kịp thời, công tác giám sát chưa thường xuyên.

Phần II

Một số nhiệm vụ trọng tâm Quý II/2019

Trên cơ sở kết quả thực hiện quý I năm 2019, dự báo quý II với làn sóng đầu tư mới tiếp tục phát huy hiệu quả, những tác động tích cực từ các chính sách của Trung ương, các lĩnh vực đột phá, trụ cột quan trọng đang được tập trung đẩy nhanh, nhất là lĩnh vực năng lượng tái tạo để thụ hưởng giá điện của Chính phủ; các mô hình sản xuất kinh doanh có hiệu quả tiếp tục được phát huy; đồng thời dự báo tình hình năng hạn, dịch bệnh diễn biến phức tạp, nhất là dịch tả lợn Châu Phi, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, dự kiến giá trị sản xuất quý II năm 2019 tăng 18-19% so cùng kỳ, trong đó Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 7-8%⁵³; Công nghiệp – xây dựng tăng 36-37%⁵⁴ và Dịch vụ tăng 11-12%. Theo đó giá trị sản xuất 6 tháng đầu năm

⁵¹ Đến ngày 22/3/2019 đã hoàn thành, cơ bản hoàn thành 41/59 nhiệm vụ được UBND tỉnh giao hoàn thành trong quý I/2019 tại QĐ số 02/QĐ-UBND về triển khai những nhiệm vụ, giải pháp theo NQ 01 của Chính phủ, nhất là kiến nghị kéo dài thời gian thụ hưởng giá điện điện mặt trời theo quyết định số 11/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đầu tư hạ tầng truyền tải để giải tỏa công suất năng lượng tái tạo.

⁵² Có 3 đơn vị vi phạm trên 10%.

⁵³ Trong đó: Nông lâm nghiệp tăng 5-6% và Thủy sản tăng 10 -11%.

⁵⁴ Trong đó: Ngành Công nghiệp tăng 25-26% và ngành Xây dựng tăng 55-56%.

2019 tăng 16-17%, trong đó Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 7-8%⁵⁵; Công nghiệp – xây dựng tăng 30-31%⁵⁶ và Dịch vụ tăng 10-11%.

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch năm 2019, ngoài những nhiệm vụ trọng tâm đã được ban hành, các cấp, các ngành cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết 115/NQ-CP của Chính phủ và kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 416/TB-VPCP về cơ chế đặc thù hỗ trợ Tỉnh, tạo chuyển biến mạnh mẽ các lĩnh vực đột phá quan trọng về năng lượng tái tạo, kinh tế biển, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao.

2. Quán triệt đồng bộ, hiệu quả phương châm hành động "*Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, bút phá, hiệu quả*" trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao, nhất là các nhiệm vụ trọng tâm được giao tại quyết định số 02/QĐ-UBND của UBND tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết 01 của Chính phủ; đồng thời rà soát, đánh giá, xác định trách nhiệm người đứng đầu trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3. Sản xuất nông nghiệp: Có kế hoạch điều tiết và sử dụng nước hợp lý; chuyển dịch mạnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng hiệu quả, bền vững, chú trọng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ; chủ động phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, nhất là dịch tả lợn Châu Phi; khẩn trương kiến nghị chuyển đổi đất rừng để thực hiện một số dự án nông nghiệp và xây dựng đường dây truyền tải điện; hỗ trợ ngư dân đánh bắt xa bờ đúng pháp luật, nâng cao chất lượng nuôi trồng thủy sản. Tổ chức lễ ra quân phát động mạnh mẽ phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới, phấn đấu xây dựng huyện Ninh Phước đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2019

4. Sản xuất công nghiệp – xây dựng: Đẩy nhanh xây dựng hệ thống hạ tầng lưới điện truyền tải để giải tỏa công suất, bổ sung quy hoạch phát triển điện khí LNG; hoàn thành gia hạn thời gian thụ hưởng giá điện theo quyết định số 11/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; đẩy nhanh tiến độ gắn xúc tiến đầu tư vào các khu công nghiệp Du Long, Cà Ná, xúc tiến đẩy nhanh dự án thủy điện tích năng Bác Ái và các dự án động lực thay thế; chỉ đạo khắc phục sự giảm sút một số ngành hàng hiện có. Hoàn thành các đồ án quy hoạch chuyên đề, đồ án quy hoạch phân khu các khu vực trọng điểm; định hướng phát triển không gian kiến trúc và thiết kế đô thị trực đường 16 tháng 4; phối hợp với các huyện hoàn chỉnh chương trình nâng cấp đô thị tại các thị trấn huyện lỵ theo kế hoạch.

5. Các ngành thương mại - dịch vụ: Triển khai kịp thời các cơ chế, chính sách của Hiệp định thương mại tự do CPTPP; hoàn thành Phương án tổng thể kết nối giữa các ngành trong thực hiện các chuỗi giá trị, tạo chuyển biến rõ nét trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, nhất là các sản phẩm chủ lực, đặc thù của Tỉnh; đẩy nhanh tiến độ các dự án chợ nông thôn; tăng cường các biện pháp quản lý thị trường, bảo hộ hàng hóa của Tỉnh.

6. Quản lý tài nguyên môi trường: Tăng cường quản lý đất rừng, đất công và khai thác hiệu quả tài nguyên, khoáng sản; hoàn thành phê duyệt Đề án tăng thu ngân

⁵⁵ Trong đó: Nông lâm nghiệp tăng 5-6% và Thủy sản tăng 10 -11%

⁵⁶ Trong đó: Ngành Công nghiệp tăng 15-16% và ngành Xây dựng tăng 59-60%.

sách từ đất đai; triển khai thực hiện Nghị quyết số 113/NQ-CP của Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối 2016-2020, bảo đảm đủ diện tích đất để triển khai các dự án năng lượng tái tạo; tham mưu kiến nghị điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất đối với những khu vực có chứa quặng titan chưa bảo đảm điều kiện khai thác để thực hiện các dự án Tỉnh có lợi thế; tập trung giải phóng mặt bằng, nhất là dự án đường cao tốc Bắc - Nam và các dự án trọng điểm tạo đột phá đẩy nhanh tiến độ các dự án. Khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường các khu vực nhạy cảm, nhất là khu vực ven biển, hệ thống kênh mương, các khu du lịch, làng nghề.

7. Tài chính, ngân hàng: Kiểm tra giải quyết kịp thời các vướng mắc trong giải ngân các nguồn vốn; rà soát các quy định về cơ chế tài chính phù đối với các dự án đầu tư khu đô thị, khu dân cư; chống thất thu ngân sách, nhất là các nguồn thu mới, các nguồn thu từ đất đai, tài nguyên khoáng sản; đẩy nhanh công tác hoàn thuế các dự án năng lượng tái tạo; kiên quyết xử lý nợ đọng thuế; triển khai cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Đẩy mạnh hoạt động tín dụng, hỗ trợ doanh nghiệp trong tiếp cận các nguồn vốn vay lãi suất thấp; triển khai Đề án thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công.

8. Kế hoạch và Đầu tư: Hoàn thành gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề cương và dự toán lập nhiệm vụ Quy hoạch Tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Đề án chuyên đổi mặt bằng các dự án điện hạt nhân Ninh Thuận 1 và 2, bao gồm các phương án bảo đảm ổn định sản xuất, đời sống nhân dân khu vực dự án; theo dõi, kiến nghị Trung ương bổ sung các nguồn vốn dự phòng, vượt thu ngân sách để thực hiện các dự án cấp bách, quan trọng. Theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện Nghị quyết 115 của Chính phủ; đôn đốc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công; phối hợp tổ chức khởi công, khánh thành một số dự án công nghiệp, du lịch; thu hút đầu tư có chọn lọc, xử lý thu hồi các dự án chậm tiến độ; triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp;

9. Văn hóa - xã hội:

- Giáo dục - Đào tạo: Tiếp tục thực hiện Đề án sắp xếp mạng lưới trường lớp học và đội ngũ cán bộ, giáo viên đảm bảo tiến độ và phù hợp giữa các vùng; tổ chức tốt các kỳ thi tuyển sinh lớp 6, 10 và THPT Quốc gia năm 2019; hoàn thiện trình phê duyệt Đề án sáp nhập Trường CDSP Ninh Thuận vào Phân hiệu Đại học Nông lâm thành phố Hồ Chí Minh.

- Y tế: Tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và khống chế dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; triển khai thực hiện hiệu quả các Đề án về nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh⁵⁷; đẩy mạnh công tác bảo hiểm y tế toàn dân.

- Văn hoá thông tin-Phát thanh truyền hình-Thể dục thể thao: Tập trung tuyên truyền các sự kiện chính trị, các ngày lễ lớn của đất nước và của Tỉnh; tổ chức thành công Lễ hội Nho và Vang Ninh Thuận 2019.

- Triển khai thực hiện đầy đủ kịp thời các chính sách an sinh xã hội, chính sách người có công; thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm

⁵⁷ Đề án Bệnh viện vệ tinh, Đề án 1816, Đề án nâng hạng Bệnh viện đa khoa tỉnh lên hạng 1 quy mô 1.000 giường.

nghèo bền vững gắn với phong trào thi đua “*Cả nước chung tay vì người nghèo- Không để ai bị bỏ lại phía sau*”, nhất là các chế độ chính sách liên quan đến người nghèo và đối tượng yếu thế trong xã hội; nâng cao chất lượng đào tạo nghề theo địa chỉ, thực hiện hiệu quả các chính sách giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động.

10. Tập trung chỉ đạo công tác chuẩn bị tổ chức Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025; thực hiện tốt công tác tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 trên địa bàn Tỉnh; đưa Trung tâm Phục vụ hành chính công đi vào hoạt động hiệu quả; thực hiện theo lộ trình Đề án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp; đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, cải cách công vụ; ; tăng cường vai trò, trách nhiệm người đứng đầu, nâng cao chất lượng kết quả đầu ra của từng cơ quan, đơn vị; công bố Bộ chỉ số năng lực cạnh tranh của các Sở ngành, địa phương; chỉ đạo triển khai kế hoạch nâng cao các chỉ số PCI, PAPI, PAR INDEX, SIPAS, ICT...; đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, dân vận chính quyền.

11. Chỉ đạo tổ chức diễn tập KVPT thành phố PR-TC, huyện Ninh Hải và diễn tập ứng phó sự cố thiên tai, tìm kiếm cứu nạn huyện Ninh Phước; thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết các khiếu nại tố cáo, nhất là trong lĩnh vực đất đai; đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí; giảm các tệ nạn xã hội, phạm pháp hình sự; tiếp tục triển khai đồng bộ các biện pháp kiểm chế tai nạn giao thông.

12. Chỉ đạo hoàn thành các Nghị quyết chuyên đề, các chương trình, đề án phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh bất thường và giữa năm 2019./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ (2b);
- Văn phòng Quốc hội;
- Bộ TC, Bộ KH và ĐT, TC Thống kê;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh,
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan thuộc TU, các ĐT;
- Các cơ quan TW trên địa bàn;
- Các cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện- thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LD, CV.
- Lưu: VT. VAL

(Báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lưu Xuân Vĩnh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU TỔNG HỢP

Tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội quý I năm 2019
(Kèm theo Báo cáo số *MM* /BC-UBND ngày *12*/4/2019 của UBND tỉnh)

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	TH quý I năm 2018	KH năm 2019	ƯTH quý I năm 2019	So sánh (%)	
					CK	KH
A	B	1	2	3	4= 3/1	5= 3/2
A. CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP						
1. Giá trị sản xuất các ngành	Tỷ đồng	7.187	36.345	8.218	114,4	22,6
- Nông lâm, thủy sản	Tỷ đồng	1.821	11.655	1.970	108,2	16,9
Trong đó: + Nông lâm nghiệp	"	499	5.150	517	103,6	10,0
+ Thủy sản	"	1.321	6.505	1.453	110,0	22,3
- Công nghiệp - Xây dựng	Tỷ đồng	2.360	13.705	2.950	125,0	21,5
Trong đó: + Công nghiệp	"	1.544	7.600	1.604	103,9	21,1
+ Xây dựng	"	816	6.105	1.346	165,0	22,0
- Dịch vụ	Tỷ đồng	3.006	10.985	3.298	109,7	30,0
2. Tổng thu NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	689,6	2.700	1.272	184,4	47,1
Trong đó: - Thu nội địa:	"	686,6	2.400	733,0	106,8	30,5
+ Thu cân đối	"	576,3	2.316,7	732,7	127,1	31,6
+ Thu quản lý qua NSNN	"	110,3	83,3	0,3	0,3	0,3
- Thu hoạt động xuất, nhập khẩu	"	3,0	300	539	17.886	179,6
3. Tổng chi NS địa phương	Tỷ đồng	1.300	5.352,0	1.400	107,7	26,2
4. Tổng giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu	Triệu USD	17,2	200,0	246,1	1.430,7	123,1
- Giá trị kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	13,8	100	12,9	93,8	12,9
Trong đó: + Thủy sản xuất khẩu	"	7,9	42,5	4,0	50,6	9,4
+ Nông sản xuất khẩu	"	5,4	45,5	7,1	132,5	15,6
- Giá trị kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	3,4	100	233,2	6.816,7	233,2
5. Dân số trung bình	10 ³ người	606,9	617,8	612,4	100,9	99,1
6. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,166	1,125	1,127		
7. Số LĐ được giải quyết việc làm mới	Người	4.565	15.500	4.745	103,9	30,6
B. CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NGÀNH						
I. Ngành Nông lâm, thủy sản						
Giá trị sản xuất (giá ss 2010)	Tỷ đồng	1.821	11.655	1.970	108,2	16,9
Trong đó:						
1. Ngành Nông lâm nghiệp						
Giá trị sản xuất (giá ss 2010)	Tỷ đồng	499	5.150	517	103,6	10,0
1.1 Ngành nông nghiệp						
- Giá trị sản xuất (giá ss 2010)	Tỷ đồng	484,9	5.061,5	501,7	103,5	9,9
Trong đó: + Trồng trọt	"	186,2	3.605	189,0	101,5	5,2
+ Chăn nuôi	"	294,4	1.272,8	308,5	104,8	24,2

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	TH quý I năm 2018	KH năm 2019	ƯTH quý I năm 2019	So sánh (%)	
					CK	KH
A	B	1	2	3	4= 3/1	5= 3/2
+ Dịch vụ	"	4,3	183,7	4,3	100,5	2,3
a/ Sản xuất vụ Đông xuân:						
- Tổng diện tích gieo trồng	Ha	28.752	29.016	30.075	104,6	103,6
+ Cây lương thực						
* Cây lúa: Diện tích	Ha	16.976	16.490	17.050	100,4	103,4
Năng suất	Tạ/ha	64,5	64,5	64,6	100,2	100,2
Sản lượng	Tấn	109.495	106.360	110.195	100,6	103,6
* Cây bắp: Diện tích	Ha	2.865	2.950	2.685	93,7	91,0
Năng suất	Tạ/ha	60,2	50,0	59,8	99,2	119,6
Sản lượng	Tấn	17.259	14.750	16.053	93,0	108,8
+ Cây công nghiệp ngắn ngày						
* Cây mía: Diện tích trồng mới	Ha	21	5	24	111,9	470,0
Sản lượng	Tấn					
* Cây thuốc lá: Diện tích	Ha	50	70	45	90,0	64,3
Năng suất	Tạ/ha	21,2	20,0	20,8	98,1	104,0
Sản lượng	Tấn	106	140	94	88,3	66,9
+ Cây lấy củ						
* Cây sắn (mỳ): Diện tích thu hoạch	Ha	2.899	3.050	4.478	154,5	146,8
Năng suất	Tạ/ha	207,3	210,2	207,4	100,1	98,7
Sản lượng	Tấn	60.096	64.100	92.882	154,6	144,9
+ Cây ăn quả						
* Cây nho:						
Diện tích thu hoạch	Ha	1.125	1.245	1.151,0	102,4	92,4
Năng suất	Tạ/ha	75,0	300,4	76,0	101,3	25,3
Sản lượng thu hoạch	Tấn	8.434	37.400	8.747	103,7	23,4
* Cây táo:						
Diện tích thu hoạch	Ha	896	1.020	982	109,6	96,3
Năng suất	Tạ/ha	88,3	314,7	88,8	100,5	28,2
Sản lượng thu hoạch	Tấn	7.915	32.100	8.720	110,2	27,2
b/ Chuyển đổi diện tích lúa sang cây trồng khác có hiệu quả, tiết kiệm nước, trong đó:	Ha	558,8	1.500-2.000	544,7	97,5	
- Vụ Đông Xuân	Ha	558,8	531	544,7	97,5	102,5
c/ Chăn nuôi:						
- Quy mô tổng đàn gia súc	10 ³ con	508,831	525,9	521,441	102,5	99,2
+ Quy mô tổng đàn gia súc có sừng	10 ³ con	415,922	428,9	432,543	104,0	100,8
Trâu, bò	"	117,840	121,9	124,326	105,5	102,0
Đê, cừu	"	298,082	307,0	308,217	103,4	100,4
+ Tổng đàn lợn	"	92,909	97,0	88,898	95,7	91,6
- Quy mô tổng đàn gia cầm	Triệu con	1,586	1,7	1,656	104,4	97,4
- Sản lượng thịt hơi các loại	Tấn	6.711	30.700	7.331	109,2	23,9
Trong đó: + Sản lượng thịt hơi gia súc	"	5.349	26.400	5.842	109,2	22,1
+ Sản lượng thịt hơi gia cầm	"	1.362	4.300	1.489	109,3	34,6
1.2 Ngành lâm nghiệp						
* Giá trị sản xuất (Giá ss 2010):	Tỷ đồng	14,6	88,5	15,5	106,2	17,5
- Trồng rừng phòng hộ và đặc dụng	Ha		455			

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	TH quý I năm 2018	KH năm 2019	ƯTH quý I năm 2019	So sánh (%)	
					CK	KH
A	B	1	2	3	4= 3/1	5= 3/2
- Giao khoán bảo vệ rừng	"	61.181	61.181	60.935	99,6	99,6
- Khoanh nuôi tái sinh rừng	"	5.781	3.544	4.803	83,1	135,5
2. Ngành Thủy sản						
* Giá trị sản xuất (Giá ss 2010)	Tỷ đồng	1.321	6.505	1.453	110,0	22,3
Trong đó: + Khai thác	"	949,0	4.567,4	1.051,3	110,8	23,0
+ Nuôi trồng	"	372,2	1.937,6	401,9	108,0	20,7
Trong đó: Sản xuất giống	"	279,2	1.076,8	307,2	110,0	28,5
a/ Khai thác:						
- Năng lực khai thác: Chiếc	Chiếc	2.504	2.520	2.449	97,8	97,2
Công suất	CV	373.264	420.000	439.822	117,8	104,7
- Sản lượng thủy sản khai thác	Tấn	23.008	113.305	25.366	110,3	22,4
b/ Nuôi trồng:						
- Sản lượng nuôi trồng thủy sản	Tấn	942,9	10.010	965,0	102,3	9,6
Trong đó: Sản lượng tôm thịt	"	625	7.000	650	104,0	9,3
- Sản xuất giống thủy sản	Triệu con	8.540	33.150	9.438	110,5	28,5
Trong đó: + Sản lượng tôm giống	"	8.500	33.000	9.398	110,6	28,5
II. Ngành Công nghiệp - Xây dựng						
1. Giá trị sản xuất toàn ngành (Giá ss 2010)	Tỷ đồng	2.360	13.705	2.950	125,0	21,5
Trong đó: + Công nghiệp	"	1.544	7.600	1.604	103,9	21,1
+ Xây dựng	"	816	6.105	1.346	165,0	22,0
2. Các sản phẩm chủ yếu						
- Muối các loại	Tấn	76.352	300.000	66.678	87,3	22,2
- Muối chế biến	Tấn	20.549	150.000	20.304	98,8	13,5
- Đường RS	Tấn	12.041	17.500	6.259	52,0	35,8
- Chế biến tôm đông lạnh	Tấn	1.485,0	7.000	1.434,0	96,6	20,5
- Xi măng	Tấn	33.959	160.000	33.305	98,1	20,8
- Gạch các loại	Triệu viên	15,2	100	18,0	118,0	18,0
- Nhân hạt điều	Tấn	676,0	4.200	862,3	127,6	20,5
- Sản phẩm may mặc	Triệu SP	0,911	3,5	0,749	82,3	21,4
- Tinh bột mỳ	Tấn	6.784	18.000	6.207	91,5	34,5
- Phân hữu cơ vi sinh	Tấn	350,0	5.000	200,0	57,1	4,0
- Điện thương phẩm	Triệu kwh	137,1	630	148,3	108,2	23,5
- Nước máy ghi thu	Triệu m ³	3,780	20,0	4,347	115,0	21,7
- Nước yến	10 ³ lít	20,4	70	19,8	97,3	28,3
- Điện sản xuất	Triệu kwh	360,2	2.500	405,4	112,5	16,2
- Thuốc lá điều	Triệu bao	3,6	24	3,8	105,6	15,8
- Đá ốp lát granite	Ngàn m ²	40,0	160	40,0	100,0	25,0
- Đá xây dựng	Ngàn m ³	143,8	1.200	201,7	140,2	16,8
- Bìa	Triệu lít	16,9	80	17,2	101,6	21,5
- Gạch không nung	Triệu viên	4,0	60	7,0	175,0	11,7
- Sản xuất khăn	Tấn	838	4.500	834	99,5	18,5
- Rau câu	Tấn	11,5	50	15	130,4	30,0
- Bao bì giấy	Tấn	102	1.000	78	76,5	7,8
- Nha Đam	Tấn	1.024	6.500	1.745	170,4	26,8

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	TH quý I năm 2018	KH năm 2019	ƯTH quý I năm 2019	So sánh (%)	
					CK	KH
A	B	1	2	3	4= 3/1	5= 3/2
III. Bưu chính - Viễn thông						
1. Số thuê bao điện thoại/100 dân	Thuê bao	7,3	8,5	8,46	115,9	99,5
2. Số thuê bao internet/100 dân	"	24,2	46,6	46,3	191,3	99,4
IV. Giao thông vận tải						
1. Khối lượng hàng hoá luân chuyển	10 ³ T*km	122.790	610.270	141.700	115,4	23,2
2. Khối lượng hành khách luân chuyển	10 ³ ng*km	123.748	629.740	145.900	117,9	23,2
V. Thương mại dịch vụ du lịch						
1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ xã hội	Tỷ đồng	4.800,2	23.800	5.434	113,2	22,8
2. Khách du lịch	10 ³ lượt người	723,9	2.350	795,8	109,9	33,9
- Khách quốc tế	"	44,6	100	47,1	105,5	47,1
- Khách nội địa	"	679,2	2.250	748,7	110,2	33,3
3. Doanh thu ngành du lịch	Tỷ đồng	234,4	1.150	259,0	110,5	22,5
VI. Tổng giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu						
1. Giá trị kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	17,2	200,0	246,1	1.430,7	123,1
Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu	Triệu USD					
+ Hàng thủy sản	Triệu USD	7,9	42,5	4,0	50,6	9,4
+ Hàng nông sản	"	5,4	45,5	7,1	132,5	15,6
2. Giá trị kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	3,4	100	233,2	6.816,7	233,2
VII. Thu chi ngân sách						
1. Tổng thu NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	689,6	2.700	1.272	184,4	47,1
Trong đó: - Thu nội địa	"	686,6	2.400	733	106,8	30,5
+ Thu cân đối	"	576,3	2.316,7	732,7	127,1	31,6
Trong đó: Thu từ DNNN Trung ương	"	218,2	803	236,4	108,3	29,4
Thu từ DNNN địa phương	"	9,4	32	12,1	128,4	37,8
Thu từ DN có vốn ĐTNN	"	55,8	130	116,3	208,5	89,5
Thu từ CNT-DVNQD	"	90,2	355,5	99,5	110,3	28,0
Thu tiền sử dụng đất	"	19,7	200	46,0	233,6	23,0
Các khoản phí, lệ phí	"	14,8	61	17,7	119,4	29,0
+ Thu quản lý qua NSNN	"	110,3	83,3	0,3	0,3	0,3
- Thu hoạt động xuất, nhập khẩu	Tỷ đồng	3,0	300	539	17.886	179,6
2. Tổng chi NSDP	Tỷ đồng	1.300	5.352,0	1.400	107,7	26,2
VIII. Ngân hàng (Số thời điểm 31/12/2018)						
1. Tổng dư nợ	Tỷ đồng	20.794	25.470	21.350	102,7	83,8
Trong đó: + Dư nợ trung và dài hạn	"	10.997	13.200	11.455	104,2	86,8
2. Huy động nguồn vốn tại địa phương	Tỷ đồng	13.230	15.350	13.800	104,3	89,9